

**Danh sách SV K 41 còn thiếu giấy cam kết phục vụ ngành**Thứ ba, 24 Tháng 11 2015 14:56

---

| S MSS  | HỌ        | TÊN KH    | Ghi   |
|--------|-----------|-----------|-------|
| TV     | N         | OA        | chú   |
| T      |           |           |       |
| 1 41.0 | Trịnh     | Kế Toá 1  |       |
| 1.10   | Linh      | n - B     |       |
| 1.05   |           | học       |       |
| 3      |           |           |       |
| 2 41.0 | Nguyễn Mỹ | Toá 1 có  |       |
| 1.10   | Thiện     | n - C chữ |       |
| 1.07   |           | học       | kí SV |
| 8      |           |           |       |
| 3 41.0 | Nguyễn Tú | Toá 1     |       |
| 1.10   | Thị       | n - B     |       |
| 1.14   | Thanh     | học       |       |
| 0      |           |           |       |
| 4 41.0 | Trương Tu | Toá 1     |       |
| 1.10   | Phú       | ấn n - A  |       |
| 1.14   |           | học       |       |
| 5      |           |           |       |
| 5 41.0 | Phan      | Vũ Toá 1  |       |
| 1.10   | Thanh     | n - A     |       |
| 1.15   |           | học       |       |
| 4      |           |           |       |
| 6 41.0 | Trần      | Du Vật 1  |       |
| 1.10   | Đức       | y lí B    |       |
| 2.01   |           |           |       |
| 8      |           |           |       |
| 7 41.0 | Đinh      | Hư Vật 1  |       |
| 1.10   | Trung     | ng lí B   |       |
| 2.04   |           |           |       |
| 0      |           |           |       |
| 8 41.0 | Trần      | Kh Vật 1  |       |
| 1.10   | Phúc      | anglí A   |       |
| 2.04   |           |           |       |
| 5      |           |           |       |
| 9 41.0 | Đỗ Phú To | Vật 1     |       |
| 1.10   |           | àn lí A   |       |
| 2.10   |           |           |       |
| 1      |           |           |       |
| 1 41.0 | Nguyễn Nh | SP 1      |       |
| 0 1.10 | Thị       | àn Tin A  |       |
| 3.04   | Thanh     |           |       |
| 7      |           |           |       |
| 1 41.0 | Trần      | Tâ SP 1   |       |
| 1 1.10 | Thanh     | m Tin A   |       |
| 3.06   |           |           |       |
| 0      |           |           |       |
| 1 41.0 | Đinh      | TínSP 1   |       |
| 2 1.10 | Trung     | Tin B     |       |
| 3.07   |           |           |       |

3

1 41.0 Trịnh Vâ SP 1

3 1.10 Ngọc n Tin A

3.09 Thảo

2

1 41.0 Phạm Ph Hóa 1 có

4 1.20 Tân át học B chữ

1.05 kí SV

5

1 41.0 Nguyễn Ph Hóa 1

5 1.20 Thị Thuơ học A

1.05 ng

8

1 41.0 Trương Dũ Sinh1 có

6 1.30 Đức ng học B chữ

1.01 kí SV

7

1 41.0 Huỳnh Du Sinh1 có

7 1.30 Hoàng y học B chữ

1.01 kí SV

9

1 41.0 Cao Du Sinh1 có

8 1.30 Nguyễn yên học B chữ

1.02 Kỳ kí SV

1

1 41.0 Vũ Thị Hạ Sinh1 có

9 1.30 nh học B chữ

1.02 kí SV

7

2 41.0 Phạm Ng Sinh1 có

0 1.30 Nguyễn ân học B chữ

1.04 Kim kí SV

0

2 41.0 Lê Quý Ng Sinh1 có

1 1.30 ọc học B chữ

1.04 kí SV

5

2 41.0 Trần Ph Sinh1 có

2 1.30 Huy ạm học B chữ

1.05 kí SV

3

2 41.0 Nguyễn Th Sinh1

3 1.30 Đoàn ư học A

1.06 Minh

4

2 41.0 Trịnh Ng Ngữ 1

4 1.60 Thùy ân văn A

1.06

4

2 41.0 Phan Ng Ngữ 1

5 1.60 Thị ân văn A  
1.06 Kim  
7  
2 41.0 Ka Do Ngừ 1  
6 1.60 i văn A  
1.01  
4  
2 41.0 Mai Mi Lịch 1 có  
7 1.60 Ngọc nh sử A biên  
2.04 đóng  
5 tiền  
2 41.0 Võ Thị HiêĐịa 1  
8 1.60 Thúy n lí A  
3.02  
7  
2 41.0 Lê Thị Kh Địa 1  
9 1.60 Lê a lí A  
3.02  
9  
3 41.0 Nguyễn Sĩ Địa 1  
0 1.60 Văn lí A  
3.06  
9  
3 41.0 Liêu Lệ Bíc Tiến 1  
1 1.70 h g C  
1.01 Anh  
0  
3 41.0 Nguyễn Hà Tiến 1  
2 1.70 Lê Bích ng g A  
1.02 Anh  
9  
3 41.0 Nguyễn Hợ Tiến 1  
3 1.70 Huỳnh p g C  
1.03 Minh Anh  
9  
3 41.0 Đỗ Hu Tiến 1  
4 1.70 Thanh yềng B  
1.04 Anh  
5  
3 41.0 Ngô My Tiến 1  
5 1.70 Trần g A  
1.06 Khánh Anh  
5  
3 41.0 Trần Th Tiến 1  
6 1.70 Nguyễn anhg A  
1.09 Mai Anh  
8  
3 41.0 Phạm Tú Tiến 1  
7 1.70 Nữ g A  
1.12 Thanh Anh

7  
3 41.0 Trần Uy Tiến1  
8 1.70 Duy ên g C  
1.13 Anh  
1  
3 41.0 Tôn Nữ ViệTiến1  
9 1.70 Ngọc t g C  
1.13 Anh  
6  
4 41.0 Lương Vi Tiến1  
0 1.70 Thị nh g B  
1.13 Thanh Anh  
8  
4 41.0 Nguyễn ChiTiến1  
1 1.70 Thị g A  
2.00 Diệu Nga  
4  
4 41.0 Nguyễn Lê Tiến1  
2 1.70 Thanh m g A  
2.01 Nga  
0  
4 41.0 Trương LinTiến1  
3 1.70 Ngọc h g A  
2.01 Bảo Nga  
2  
4 41.0 Ngô Ph Tiến1  
4 1.70 Xuân úc g A  
2.02 Nga  
3  
4 41.0 Nguyễn Ph Tiến1  
5 1.70 Hoàng ươ g A  
2.02 Mai ng Nga  
4  
4 41.0 Nguyễn TruTiến1  
6 1.70 Thành ng g A  
2.03 Nga  
9  
4 41.0 Ngô BicTiến1  
7 1.70 Nguyễn h g PhA  
3.00 Ngọc áp  
6  
4 41.0 Nguyễn ChíTiến1  
8 1.70 Thiện nh g PhA  
3.00 áp  
7  
4 41.0 Nguyễn Hà Tiến1  
9 1.70 Thanh ng g PhA  
3.00 áp  
9  
5 41.0 Nguyễn Lê Tiến1

0 1.70 Vũ Quế m g PhA  
3.01 áp  
5  
5 41.0 Nguyễn Ng Tiến1  
1 1.70 Anh uyêg PhA  
3.02 n áp  
0  
5 41.0 Đào Qu Tiến1  
2 1.70 Minh angg PhA  
3.02 áp  
3  
5 41.0 Tô Th Tiến1  
3 1.70 Quốc ànhg PhA  
3.03 áp  
2  
5 41.0 Lâm Di Tiến1  
4 1.70 Uyên nh g Tr A  
4.00 ung  
5  
5 41.0 Huỳnh Ng Tiến1  
5 1.70 Thu ân g Tr A  
4.02 ung  
1  
5 41.0 Hà Ph Tiến1  
6 1.70 Thiên át g Tr A  
4.02 ung  
8  
5 41.0 Huỳnh Tri Tiến1  
7 1.70 Ry nh g Tr A  
4.03 ung  
7  
5 41.0 Võ Thị Ch GD 1  
8 1.90 Minh âu TH B  
1.01  
1  
5 41.0 Nguyễn DiệGD 1  
9 1.90 Hữu p TH D  
1.01 Ngọc  
7  
6 41.0 Nguyễn Nh GD 1  
0 1.90 Phú àn TH D  
1.12 Thanh  
2  
6 41.0 Nguyễn Ph GD 1  
1 1.90 Hoàng úc TH C  
1.13  
8  
6 41.0 Trương Th GD 1  
2 1.90 Thị ảo TH A  
1.17 Phương

0  
6 41.0 Trần ChiGD 1  
3 1.90 Linh MN A  
2.01  
7  
6 41.0 Đặng Xu GD 1  
4 1.90 Nguyễn ân MN D  
2.19 Thị  
6 Thanh  
6 41.0 Trần Hò GD 1  
5 1.90 Lộc a TC A  
3.02  
3  
6 41.0 Võ Thị LiễGD 1  
6 1.90 Bích u TC B  
3.04  
1  
6 41.0 Nguyễn Qu GD 1  
7 1.90 Minh ân TC A  
3.07  
5